

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

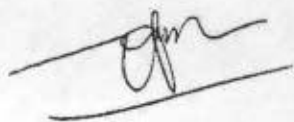
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2010	Quý 1 năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	564,055,396,223	160,246,030,993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		564,055,396,223	160,246,030,993
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	206,664,429,931	71,480,615,452
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		357,390,966,292	88,765,415,541
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	6,092,054,036	661,701,353
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	22,987,622,902	125,873,590,757
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5.	25,769,894,291	5,604,203,862
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		314,725,503,135	(42,050,677,725)
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	53,873,862	200,322,429
12. Chi phí khác	32	VI.7.	328	116,117
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		53,873,534	200,206,312
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty LDLK	45		(379,342,950)	(101,508,342)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40+45)	50		314,400,033,720	(41,951,979,755)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	61,441,927,340	15,392,862,688
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận thuế thu nhập doanh nghiệp	60		252,958,106,380	(57,344,842,443)
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(85,408,423)	1,170,125,988
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		253,043,514,803	(58,514,968,432)
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,310	

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 04 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





PHẠM PHÚC HIẾU

TRẦN NGỌC DIỆP

ĐẶNG THÀNH TÂM